**Phần 1: Chọn đáp án đúng nhất**

1. Cấu trúc một Khóa định loại bao gồm:

A. 2 phần B. 3 phần C. 4 phần D. 5 phần

2. Động vật nguyên sinh thuộc nhóm động vật:

A. Đơn bào B. Đa bào C. Không có tế bào D. Cả A và B

3. Phần lớn giun tròn lớn lên bằng:

A. Tạo ra lớp da mới bao cơ thể B. Lột xác

C. Ngắt đôi cơ thể D. Bọc thêm lớp cutin bên ngoài

4. Không bào co bóp trong tế bào chất có tác dụng:

A. Điều hòa áp suất cơ thể B. Thẩm thấu

C. Bài tiết và hô hấp D. Cả A, B, C

5. Vật trung gian gây bệnh “Ngủ ly bì” là:

A. Muỗi Anopheles B. Ruồi trâu C. Muỗi vằn D. Ruồi Tse

6. Khi bị bệnh sốt rét, thời gian sốt cách nhau 1-3 ngày là tùy thuộc vào

A. Người bệnh

B. Mức độ nặng nhẹ của bệnh

C. Thời gian giữa hai lần sinh sản vô tính trong hồng cầu của loài gây bệnh

D. Thời gian liệt sinh ngoài hồng cầu của loài gây bệnh

7. Hệ thần kinh của Sứa lược bao gồm:

A. Các dải tế bào thần kinh B. 4 khối hạch

C. Không có hệ thần kinh D. A và B

8. Ở Việt Nam, tỷ lệ nhiễm giun tóc khoảng bao nhiêu %?

A. 40% B. 50% C. 60% D. 75%

9. Sán lá gan lớn ký sinh trong:

A. Gan của Người, Chó, Mèo B. Ống dẫn mật của Người, Chó, Mèo

C. Gan của Trâu, Bò, Dê, Cừu D. Ống dẫn mật của Trâu, Bò, Dê, Cừu

10. Sán phổi ký sinh ở

A. Phổi thú nhai lại B. Phổi Người và Thú ăn thịt

C. Phổi các loài gia cầm D. Cả A, B, C

11. Ngành giun đốt

A. Không có xoang cơ thể B. Có xoang cơ thể thứ sinh

C. Có xoang cơ thể nguyên sinh D. B hoặc C

12. Cơ thể giun dẹp có cấu tạo kiểu

A. Đối xứng hai bên B. Đối xứng tỏa tròn hai tia

C. Đối xứng tỏa tròn D. Không đối xứng

13. Ở Lợn, kén của giun xoắn có thể tồn tại

A. 11 năm B. 15 năm C. 30 năm D. 35 năm

14. Bệnh ép xe gan có thể do loại Giun ký sinh nào gây ra?

A. Giun kim B. Giun đũa C. Giun chỉ D. Cả A, B, C

15. Amip thuộc nhóm

A. Trùng chân giả B. Trùng bào tử C. Trùng vi bào tử D. Trùng roi

16. Trong các loài thuộc Ngành Chân khớp, ở mỗi đốt phân thành

A. 3 mảnh B. 4 mảnh C. 5 mảnh D. 6 mảnh

17. Bọ cạp có đôi chân nào phát triển nhất?

A. Chân kìm B. Chân xúc giác C. Chân bò thứ nhất D. Chân bò thứ tư

18. Các loài ốc thuộc Lớp nào trong Ngành thân mềm

A. Lớp chân đầu B. Lớp chân bụng

C. Lớp hai mảnh vỏ D. Lớp vỏ một tấm

19. Ếch nhái rừng Việt Nam có các bộ là:

A. Bộ có đuôi, Bộ không chân, Bộ không đuôi

B. Bộ có đuôi, Bộ không đuôi, Bộ có chân

C. Bộ không đuôi, Bộ có chân, Bộ không chân

D. Bộ có chân, Bộ không chân, Bộ có đuôi, Bộ không đuôi

20. Lớp hình Nhện có ………. Đôi chân phần phụ ngực

A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

21. Ngành giun dẹp có mấy lớp

A. 1 lớp B. 2 lớp C. 3 lớp D. 4 lớp

22. Vật chủ trung gian của Sán lá gan lớn là:

A. Ốc mút B. Ốc tai C. Các loài trong họ cá chép D. A và C

23. Sán lá gan nhỏ thuộc lớp nào

A. Sán tiêm mao B. Sán lá song chủ C. Sán lá đơn chủ D. Sán dây

24. Sán bò có mấy giác bám

A. 2 B. 3 C. 4 D. Không có giác bám

25. Tim cá miệng tròn có

A. 1 ngăn B. 2 ngăn C. 3 ngăn D. 4 ngăn

26. Sán lợn sinh sản bằng cách

A. Đốt chín rụng 5-6 đốt B. Đốt chín rụng từng đốt

C. Đốt chín phân nhánh D. Ngắt đôi cơ thể

27. Giun tóc gây ra các triệu trứng bệnh gì?

A. Hút máu gây tổn thương niêm mạc ruột

B. Triệu trứng giống kiết lỵ

C. Nổi mẩn, dị ứng, thiếu máu

D. Cả A ,B,C

28. Sau khi thụ tinh giun kim đực sẽ

A. Bị chết và phân hủy trong ruột già

B. Bị chết và thải ra ngoài

C. Bị chết và phân hủy trong ruột non

D. Tiếp tục tìm giun kim cái để sinh sản

29. Ở phân ngành có đai thuộc ngành giun đốt, hệ sinh dục

A. Không tồn tại B. Tập trung ở một số đốt

C. Rải đều trên các đốt D. Tập trung ở một đốt duy nhất

30. Lớp hình nhện có mấy đôi phần phụ ngực

A. 2 B. 4 C. 6 D. 8

31. Lớp côn trùng thuộc phân ngành nào trong ngành chân khớp

A. Trùng Ba thùy B. Có kìm C. Có mang D. Có khí quản

32. Lưỡng thê

A. Không có ống dẫn trứng

B. Có ống dẫn trứng giả

C. Có ống dẫn trứng riêng biệt với ống dẫn nước tiểu

D. Có ống dẫn trứng chung với ống dẫn nước tiểu

33. Cá cóc Tam Đảo còn có tên khác là

A. Cá cóc Mẫu Sơn B. Cá cóc sần

C. Cá cóc bụng hoa D. Cá cóc Vĩnh Phúc

34. Cái ghẻ thường đẻ trứng ở

A. Đáy hang dưới da B. Cửa hang dưới da

C. Đáy hang dưới lớp mỡ D. Cửa hang dưới lớp mỡ

35. Giun ít tơ có thể sinh sản

A. Hữu tính B. Vô tính

C. Hữu tính hoặc vô tính D. Không sinh sản

36. Lỗ bài tiết của Giun tròn nằm ở

A. Ngay sau miệng B. Ngay trước miệng

C. Ngay sau hậu môn D. Ngay trước hậu môn

37. Khi bị nhiễm Trùng sốt rét, hồng cầu của người bệnh

A. Không bị ảnh hưởng B. Tăng lên

C. Giảm xuống D. Tăng hoặc giảm theo từng giai đoạn

38. Giun quế thuộc lớp nào trong ngành Giun đốt

A. Lớp giun nhiều tơ B. Lớp giun ít tơ

C. Lớp giun tròn D. Lớp đỉa

39. Các loài ếch nhái sống ở nơi khô ráo thường làm gì để giảm sự thoát hơi nước trên da

A. Căng da cho nhẵn bóng B. Da hóa sừng sù xì

C. Biến đổi màu sắc da thẫm hơn D. Biến đổi màu sắc da sáng hơn

40. Phần sinh trưởng của các loài thuộc lớp sán dây nằm ở

A. Các đốt cổ B. Các đốt thân

C. Phần đầu D. Cả cơ thể

41. Ngành Giun tròn có mấy lớp?

A. 4 lớp B. 5 lớp C. 6 lớp D. 7 lớp

42. Giun dẹp là loài động vật có

A. 1 lá phôi B. 2 lá phôi C. 3 lá phôi D. 2 hoặc 3 lá phôi

43. Khi ăn gỏi cá có thể bị nhiễm loại Sán nào?

A. Sán lá gan lớn B. Sán lá gan nhỏ

C. Sán phổi D. Sán mép

44. Dạng trưởng thành Sán mép sống ở

A. Mép các loài thú ăn thịt B. Mép người

C. Cơ thể thú ăn thịt D. Cơ thể ếch nhái

45. Ở người, kén của Giun xoắn có thể tồn tại

A. 11 năm B. 15 năm C. 30 năm D. 35 năm

46. Sán bò sinh sản bằng cách

A. Đốt chín rụng 5-6 đốt B. Đốt chín rụng từng đốt

C. Đốt chín phân nhánh D. Ngắt đôi cơ thể

47. Lớp hình nhện thuộc phân ngành nào trong ngành chân khớp

A. Trùng Ba thùy B. Có kìm C. Có mang D. Có khí quản

48. Các loài Ếch thuộc bộ nào trong lớp ếch nhái

A. Bộ Không đuôi B. Bộ không chân

C. Bộ Có đuôi D. Bộ có chân

49. Giun đũa một ngày có thể đẻ được

A. 20 nghìn trứng B. 20 vạn trứng

C. 20 triệu trứng D. 20 tỉ trứng

50. Trên cơ thể vật chủ, Giun xoắn sống ở những đâu?

A. Cơ và hậu môn B. Ruột non và ruột già

C. Cơ và ruột D. Ruột và hậu môn

51. Bệnh U sán nhái do loài kí sinh nào gây ra

A. Sán phổi B. Sán bò C. Sán lợn D. Sán mép

52. Vòng đời điển hình của Sán lá song chủ qua……..vật chủ.

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

53. Các loài trong lớp Giun tròn có thể sống trong môi trường nào?

A. Trong nước B. Trong đất ẩm

C. Ký sinh trong cơ thể động thực vật D. Cả A, B, C

54. Toàn cơ thể chân khớp được bao bọc bởi lớp

A. Cuticun B. Kitin C. Protein D. Lipit

55. Có mấy kiểu vây đuôi cá

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

56. Cơ thể sứa lược có cấu tạo kiểu

A. Đối xứng hai bên B. Đối xứng toả tròn hai tia

C. Đối xứng toả tròn D. Không đối xứng

57. Khi bị nhiễm Trùng sốt rét, hồng cầu của người bệnh

A. Không bị ảnh hưởng B. Tăng lên

C. Giảm xuống D. Tăng hoặc giảm theo từng giai đoạn

58. Giun quế thuộc lớp nào trong ngành Giun đốt

A. Lớp Giun nhiều tơ B. Lớp Giun ít tơ

C. Lớp Giun tròn D. Lớp Đỉa

59. Lớp hình nhện có…………đôi chân phần phụ ngực

A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

60. Các loài Ếch nhái sống ở nơi khô ráo thường làm gì để giảm sự thoát hơi nước trên da

A. Căng da cho nhẵn bóng B. Da hóa sừng sù xì

C. Biến đổi màu sắc da thẫm hơn D. Biến đổi màu sắc da sáng hơn

61. Giun kim cái thường đẻ trứng vào thời gian nào trong ngày

A. Buổi sáng sớm B. Buổi trưa

C. Ban đêm D. Bất kỳ thời gian nào khi trứng chin

62. Giun nốt sần thường ký sinh ở đâu

A. Các loại cây thực phẩm B. Chỉ có ở cây họ Đậu

C. Ở một số loài côn trùng D. Ở một số loài Chim, thú

63. Hệ sinh dục của Giun tròn cấu tạo dạng

A. Ống B. Khe C. Xoắn ốc D. Hình dải

64. Sò huyết thuộc lớp nào trong ngành thân mềm

A. Lớp chân đầu B. Lớp chân bụng

C. Lớp hai mảnh vỏ D. Lớp vỏ một tấm

65. Các loài Cá xương hiện đại thường có kiểu vảy

A. Vẩy tấm B. Vẩy láng C. Vẩy tròn D. Không có vẩy

66. Sán lợn

A. Có 4 giác bám và không có vành móc

B. Có 2 giác bám và 4 vành móc

C. Có 4 giác bám và 2 vành móc

D. Có 2 giác bám và 2 vành móc

67. Trong 4 lớp thuộc ngành Giun dẹp , các lớp nào sống ký sinh

A. Lớp Sán tiêm mao và Sán dây

B. Lớp Sán dây, Sán lá đơn chủ và sán lá song chủ

C. Lớp Sán lá đơn chủ và sán lá song chủ

D. Lớp Sán tiêm mao, sán lá đơn chủ và sán lá song chủ

68. Cấu trúc khoá định loại gồm

A. Danh lục các loài B. Hình thái sử dụng trong khoá định loại

C. Bảng tra D. Cả A, B, C

69. Ngành Sứa lược có

A. 1 lớp B. 2 lớp C. 3 lớp D. 4 lớp

70. Tế bào cơ của Giun dẹp bao gồm

A. Cơ vòng và cơ dọc B. Cơ vòng, cơ dọc và cơ xiên

C. Cơ dọc và cơ xiên D. Cơ vòng và cơ xiên

71. Phần nào là cơ quan sinh trưởng của Sán dây

A. Đầu B. Cổ C. Bụng D. Cả A,B,C

72. Trứng Giun đốt phân cắt

A. Xoắn ốc và xác định B. Xoắn ốc và không xác định

C. Chéo và xác định D. Chéo và không xác định

73. Đốt chín của Sán bò có tử cung phân

A. 10 – 15 nhánh ngang B. 18 – 25 nhánh ngang

C. 7 – 10 nhánh ngang D. 8 – 20 nhánh ngang

74. Khi bị nhiễm Trùng sốt rét, hồng cầu của người bệnh

A. Không bị ảnh hưởng B. Tăng lên

C. Giảm xuống D. Tăng hoặc giảm theo từng giai đoạn

75. Bọ cạp có đôi chân nào phát triển nhất

A. Chân kìm B. Chân xúc giác

C. Chân bò thứ nhất D. Chân bò thứ tư

76. Trong các ngành sau, ngành nào bắt đầu có mầm mống đầu tiên của lá phôi thứ 3

A. Ngành Thân lỗ B. Ngành Ruột khoang

C. Ngành Sứa lược D. Ngành Giun tròn

77. Nội quan của loài Sán mép thường sắp xếp

A. Theo từng phần riêng biệt dọc cơ thể B. Theo từng phần riêng biệt ngang cơ thể

C. Lặp lại nhiều lần dọc cơ thể D. Lặp lại ngang cơ thể

78. Ngành động vật Nguyên sinh gồm có mấy ….. Lớp

A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

79. Amip di chuyển bằng cách

A. Dùng chân là các sợi roi

B. Có chân để di chuyển

C. Tạo chân giả bằng cách chuyển dịch nội chất và ngoại chất theo hướng đi

D. Không di chuyển

80. Sán lá gan nhỏ ký sinh trong

A. Gan của Người, Chó, Mèo B. Ống dẫn mật của Người, Chó, Mèo

C. Gan của Trâu, Bò, Dê, Cừu D. Ống dẫn mật của Trâu, Bò, Dê, Cừu

81. Sán lá gan lớn thuộc lớp nào

A. Sán tiêm mao B. Sán lá song chủ C. Sán lá đơn chủ D. Sán dây

82. Sán phổi ký sinh qua vật chủ trung gian là

A. Ốc mút và Ốc tai B. Ốc tai và Cua

C. Ốc mút và các loài thuộc họ Cá chép D. Ốc mút và Cua

83. Nội quan của các loài thuộc lớp Sán dây thường sắp xếp

A. Theo từng phần riêng biệt dọc cơ thể

B. Theo từng phần riêng biệt ngang cơ thể

C. Lặp lại nhiều lần dọc cơ thể

D. Lặp lại ngang cơ thể

84. Sán Bò có mấy giác bám

A. 2 B. 3 C. 4 D. Không có giác bám

85. Giun xoắn ký sinh trong cơ ở dạng nào?

A. Kén B. Ấu trùng C. Trưởng thành D. Kén và ấu trùng

86. Bệnh phù chi và bộ phận sinh dục ở người có thể do loại Giun ký sinh nào gây ra?

A. Giun kim B. Giun đũa C. Giun chỉ D. Cả A, B, C

87. Ngành Giun đốt có mấy Lớp

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

88. Lớp Giáp xác thuộc phân ngành nào trong ngành Chân khớp

A. Trùng Ba thùy B. Có kìm C. Có mang D. Có khí quản

89. Ngành Chân khớp có cấu tạo

A. Không phân đốt B. Phân đốt đồng hình

C. Phân đốt dị hình D. Có phân đốt tùy loài

90. Mực ống thuộc lớp nào trong ngành Thân mềm

A. Lớp Chân đầu B. Lớp Chân bụng

C. Lớp hai mảnh vỏ D. Lớp vỏ một tấm

91. Khi bị nhiễm Trùng sốt rét, hồng cầu của người bệnh

A. Không bị ảnh hưởng B. Tăng lên

C. Giảm xuống D. Tăng hoặc giảm theo từng giai đoạn

92. Giun quế thuộc lớp nào trong ngành Giun đốt

A. Lớp Giun nhiều tơ B. Lớp Giun ít tơ

C. Lớp Giun tròn D. Lớp Đỉa

93. Phần nào là cơ quan sinh trưởng của Sán dây

A. Đầu B. Cổ C. Bụng D. Cả A, B, C

**Phần 2: Trả lời đúng (sai)**

1. Độ lớn của cá và số vòng năm trên vẩy có tương qun với nhau

2. Phần lớn các loài trong ngành Giun đốt là không có ích

3. Lớp Sán dây phát triển không có thay đổi vật chủ và nhìn chung có xen kẽ thế hệ

4. Loài là tập hợp các cá thể sinh vật có khả năng trao đổi thông tin di truyền với nhau và cho con cái không hữu thụ.

5. Cấu trúc tên khoa học của loài bao gồm: Tên họ, tên Chi, tên loài, tên tác giả và năm định tên

6. Amip sinh sản vô tính bằng cách nhân đôi

7. Giun dẹp là ngành động vật có tổ chức cơ thể cao trong nhóm động vật có đối xứng hai bên, có ba lá phôi và chưa có thể xoang

8. Ở một số vùng núi nước ta, tập tục dùng thịt ếch nhái tươi đắp vào mắt để chữa đau mắt có thể gây ra bệnh u sán nhái

9. Kén Giun xoắn chỉ phát triển khi vào cơ của các động vật thân mềm

10. Giun chỉ phát triển qua vật chủ trung gian là Ốc mút

11. Phần lớn các loài trong ngành giun tròn là không có ích

13. Có 13 tiêu chuẩn phân loại động vật

14. Thời gian ủ bệnh của bệnh sốt rét kéo dài 18-26 ngày tùy loài

15. Lớp sán song chủ phát triển có xen kẽ thế hệ, di chuyển ít nhất qua hai vật chủ

16. Kén giun xoắn chỉ tiếp tục phát triển khi ra khỏi ống tiêu hóa

17. Giun kim thường sống trong phần cuối ruột già, đầu ruột non của người, nhất là trẻ nhỏ

18. Con đường lan truyền của giun sán chỉ qua một hoặc một số vật chủ trung gian

19. Muỗi Anopheles thuộc lớp hình nhện

20. Cá cóc Mẫu Sơn là loài đặc hữu của thế giới

21. Phần lớn các loài trong ngành Giun tròn là có hại

22. Có 16 nguyên tắc phân loại động vật

23. Thời gian ủ bệnh của bệnh sốt rét kéo dài 11-13 ngày tùy loài

24. Giun kim thường sống trong phần cuối ruột non, đầu ruột già của người

25. Các loài trong họ Cá chép là vật chủ trung gian truyền bệnh Sán lá gan nhỏ

26. Bọ cạp có đôi chân kìm rất phát triển, tận cùng bằng đôi kẹp lớn

27. Tác hại của Giun, Sán ký sinh là làm tổn thương tại chỗ, tiết độc tố làm suy nhược cơ thể, mở đường cho các bệnh khác xâm nhập

28. Giun dẹp là ngành động vật có tổ chức cơ thể thấp trong nhóm động vật có đối xứng tỏa tròn hai tia, có hai lá phôi và chưa có thể xoang

29. Giun đốt có các hệ cơ quan hình thành đủ, hệ vận động là các chi bên

30. Phân lớp Tentaculata có tua bắt mồi suốt đời

31. Cây trồng bị nhiễm Giun nốt sần có thể bị giảm năng suất hơn 50%

32. Lớp hình nhện có 4 đôi phần phụ ngực: Kìm, chân xúc giác và 6 đôi chân bò

33. Lớp chân bụng là lớp Lớn nhất trong ngành ngành Thân mềm

34. Ếch nhái chỉ hô hấp bằng da

35. Phân lớp Tentaculata có tua bắt mồi suốt đời hoặc chỉ ở giai đoạn đầu

36. Tiêu chuẩn sinh thái là tiêu chuẩn thương được sử dụng nhất trong phân loại động vật

37. Giun ít tơ sinh sản hữu tính bằng cách ghép đôi theo hình thức quay chéo đầu, đai sinh dục con này ép vào lỗ nhận tinh của con kia

38. Độ lớn của cá không có mối tương quan gì với số vòng năm trên vẩy cá

39. Khóa định loại là những tài liệu giúp người nghiên cứu xác định được đặc điểm của loài khi có mẫu vật trong tay

40. Lớp Sán song chủ phát triển có xen kẽ thế hệ, di chuyển ít nhất qua 5 vật chủ

41. Ở một số vùng núi nước ta, tập tục dung thịt ếch nhái tươi đắp vào mắt để chữa đau mắt có thể gây ra bệnh đau mắt hột

42. Cây trồng bị nhiễm Giun nốt sần có thể bị giảm năng suất 20-40%

43. Con đường lan truyền của Giun sán rất đa dạng, phức tạp, có thể qua đất, nước, qua một hay nhiều vật chủ trung gian

44. Lớp hình nhện có 1 đôi phần phụ ngực: Kìm, chân xúc giác, 6 đôi chân bò

45. Muỗi Anopheles thuộc lớp Trùng bào tử

**Phần 3: Nối câu ở cột 1 với câu ở cột 2 để tạo thành mệnh đề đúng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cột 1** | **Cột 2** |
| 1. Hệ thần kinh Giun dẹp  2. Hệ bài tiết Giun tròn hoặc là không có hoặc là  3. Sauk hi thụ tinh, giun xoắn cái  4. Thiếu trùng cái ghẻ về đêm  5. Khi ở ruột, dạng trưởng thành giun đũa  6. Ếch nhái còn giữ một số nét nguyên thủy của động vật sống dưới nước là  7. Cơ thể Amip là một khối tế bào chất có  8. Kiểu cơ đặc trưng ở các ngành giun gồm  9. Sau khi thụ tinh, Giun kim đực  10. Chi ếch nhái là  11. Đặc điểm đặc trưng của Trùng bào tử là có  12. Nội quan các loài thuộc lớp Sán dây thường  13. Trong sự phát triển, cá thể ếch nhái  14. Cơ thể cá sụn phủ  15. Amip chuyển vận bằng cách  16. Sán lá gan nhỏ ký sinh ở trong  17. Hệ bạch huyết Ếch nhái rất phát triển với  18. Có thể căn cứ vào vòng năm của vẩy cá xương để xác định  19. Một số nhóm thuộc ngành động vật nguyên sinh có hiện tượng  20. Giun chỉ ký sinh ở trong | A. Tế bào nội chất và tế bào ngoại chất  B. Chui ra ngoài và lây lan tới người khác qua tiếp xúc  C. Tập trung thành não ở phía trước với nhiều đôi dây thần kinh chạy dọc cơ thể  D. Chui vào hạch bạch huyết để ấu trùng  E. Dạng biến đổi của tuyến da hoặc theo kiểu nguyên đơn thận  F. Tế bào chất và nhân  G. Dạng biến đổi của tuyến đơn thận  H. Chết và được thải ra ngoài qua phân  I. Là các dải thần kin nằm dưới các dãy tấm lược  J. Chui ra ngoài và tìm nơi an toàn để đẻ trứng  A. 18-25 nhánh ngang, rung tưng đốt và có khả năng bò ra ngoài  B. Đẻ trứng và tạo thành kén bám chắc vào thành ruột  C. Da trần, dễ thấm nước, cơ quan bài tiết là trung thận  D. Tiết độc tố gây buồn nôn, đau bụng vặt, tắc ruột  E. Hô hấp chủ yếu bằng da  F. Nội chất lỏng dạng hạt ở phía trong và ngoại chất quánh ở phía ngoài  G. 4 loại: Cơ vòng, cơ dọc, cơ xoắn, cơ xiên  H. Nội chất dạng quánh ở phía trong và ngoại chất lỏng dạng hạt ở phía ngoài  I. 7-10 nhánh ngang, rụng từng khúc 5-6 đốt, theo phân ra ngoài  J. 3 loại: Cơ vòng, cơ dọc, cơ xiên  A. 18-25 nhánh ngang, rung tưng đốt và có khả năng bò ra ngoài  B. Chết và bị tống ra ngoài  C. Chi 5 ngón điển hình chưa biến đổi  D. Chết và phân hủy ở ruột non  E. Chi 5 ngón điển hình đã biến đổi  F. Giai đoạn liệt sinh bào tử ngoài hồng cầu  G. Sắp xếp trình tự dọc cơ thể  H. Giai đoạn sinh bào tử trong vòng đời  I. 7-10 nhánh ngang, rụng từng khúc 5-6 đốt, theo phân ra ngoài  J. Sắp xếp lặp lại nhiều lần dọc theo cơ thể  A. Một giai đoạn sống dưới lớp mỡ động vật có xương sống  B. Giữ nguyên môi trường sống  C. Vẩy tấm hoặc trần  D. Có sự thay đổi môi trường sống  E. Vảy sụn hoặc vẩy sừng  F. Hình thành chân giả  G. Ống dẫn mật của người, chó, mèo  H. Dùng các roi xung quanh cơ thể để di chuyển  I. Một giai đoạn sống trong cơ  J. Ống dẫn mật của Trâu, Bò, Dê, Cừu  A. Di chuyển về dưới vành tai vật chủ để đẻ trứng  B. Nhiều túi bạch huyết lớn ở dưới da  C. Trọng lượng của cá thể  D. Nhiều túi bạch huyết nhỏ ở dưới da  E. Tuổi của cá thể  F. Tăng bộ nhiễm sắc thể trong nhân  G. Bộ phận sinh dục, vú, chân của động vật có vú, Chim, Bò sát, Ếch nhái  H. Giảm bộ nhiễm sắc thể trong nhân  I. Rời vật chủ, xuống đất đẻ trứng  J. Hệ tuần hoàn, bạch huyết, hốc cơ thể, màng não động vật có vú, Chim, Bò sát, lưỡng cư |

**Phần 4: Điền khuyết**

1. Ếch nhái là động vật nên đời sống của chúng lệ thuộc chặt chẽ vào điều kiện môi trường

2. Dựa vào đặc điểm có hoặc không có có thể phân chia ngành Sứa lược thành 2 Lớp là Atentaculata và Tentaculata

3. Sán lá gan nhỏ phát triển qua là Ốc mút và các loài trong họ Cá chép

4. Có thể căn cứ vào của cá xương để xác định độ tuổi

5. Ếch nhái là lớp động vật có đầu tiên

6 là nhóm xuất hiện sớm nhất trong giới động vật

7. Khi dùng thịt ếch, nhái tươi đắp vào mắt để chữa bệnh đau mắt có thể gây bệnh

8. Sự hình thành...................của côn trùng lần đầu tiên xuất hiện ở động vật không xương sống

9. Vẩy xương của lớp cá xương phát triển liên tục, hình thành......................................ở mặt ngoài

10. Tập quán sử dụng.........................................................................là nguyên nhân gây tỷ lệ nhiễm giun đũa cao ở nước ta

11. Chân đầu có tổ chức cơ thể và cấu tạo các cơ quan....................................................

12. …………..Được coi là nhóm động vật đa bào nguyên thủy nhất còn thấy hiện nay

13. Phần chân của lớp chân bụng có một khối đáy phẳng

14. Dựa vào đặc điểm có hoặc không có.............................................có thể phân chia ngành sứa lược thành 2 lớp là Atentaculata và Tentaculata

15. Ngành Chân khớp là ngành ........................................................trong giới động vật

16. Giun chỉ phát triển qua vật chủ trung gian là....................................................................

17. Lớp Cá miệng tròn có hệ thần kinh.................................................................................

18. Lớp Giun ít tơ có tuyến sinh dục tập trung ở………………………………………….

19. Lớp 2 mảnh vỏ có …………..tiêu giảm và mang phát triển dạng tấm lớn

20. Vẩy xương của lớp Cá xương phát triển liên tục, hình thành...........................ở mặt ngoài

21. Khả năng lây truyền của giun sán phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện địa hình, khí hậu, thành phần,......................................., thời gian nuôi trồng của con người

22. Cơ quan bài tiết của cá miệng tròn có 2 thận nằm ở

23. Vỏ ngoài Giáp xác giàu

24. Lớp giun ít tơ có tuyến sinh dục tập trung ở

25. Lớp 2 mảnh vỏ có tiêu giảm và mang phát triển dạng tấm lớn

26. Có xương sống là phân ngành trong giới động vật

27. Giáp xác lớn có cơ quan hô hấp chuyên hóa là

28. Hệ thần kinh phân ngành vỏ liền có dạng cơ quan cảm giác phát triển

29. Cá sụn có bộ xương bằng nhưng rất chắc chắn vì có thấm Canxi

30. Vẩy xương của lớp Cá xương phát triển liên tục, hình thành ở mặt ngoài

31. Dựa vào đặc điểm có hoặc không có có thể phân chia ngành Sứa lược thành 2 Lớp là Atentaculata và Tentaculata

32. Phần chân của lớp Chân bụng có một khối đáy phẳng